



Mẫu số 09
(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục IV
TỔNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021, 2022
(Kèm theo Kết luận Thanh tra số 115/KL-TTTX ngày 17/6/2024 của Chánh thanh tra)

Đơn vị: đồng.

STT	NỘI DUNG	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Dự toán	Thực hiện	Đạt (%)	Dự toán	Thực hiện	Đạt (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số chi	5.785.000.000	7.651.363.291	132,26	6.190.000.000	6.767.759.761	109,33	
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.080.000.000	1.189.299.396	110,12	1.204.000.000	1.363.710.453	113,26	
1.1	Chi dân quân tự vệ (Quân sự xã)	740.000.000	732.886.753	99,04	843.000.000	827.141.293	98,12	
1.2	Chi trật tự an toàn xã hội (Công an xã)	340.000.000	456.412.643	134,24	361.000.000	536.569.160	148,63	
2	Chi giáo dục	60.000.000	18.228.000	30,38	74.000.000	19.428.000	26,25	
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ							
4	Chi y tế							
5	Chi văn hóa, thông tin	32.000.000	18.000.000	56,25	39.000.000	23.474.700	60,19	
6	Chi phát thanh, truyền thanh	18.000.000	16.600.000	92,22	22.000.000	20.332.000	92,42	
7	Chi thể dục, thể thao	50.000.000		0,00	25.000.000	29.426.500	117,71	
8	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000	49.670.000	99,34	60.000.000	69.900.000	116,50	
9	Chi các hoạt động kinh tế							
9.1	Giao thông							
9.2	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản							
9.3	Thị chính							
9.4	Thương mại, du lịch							
9.5	Các hoạt động kinh tế khác							
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	4.345.000.000	4.907.906.243	112,96	4.597.000.000	4.700.769.578	102,26	
10.1	Quản lý Nhà nước	2.593.100.000	2.959.517.820	114,13	2.739.000.000	2.758.387.980	100,71	
10.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	646.000.000	629.958.678	97,52	677.000.000	687.349.556	101,53	
10.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	274.662.344	266.092.158	96,88	274.861.300	271.419.814	98,75	

STT	NỘI DUNG	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Dự toán	Thực hiện	Đạt (%)	Dự toán	Thực hiện	Đạt (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	193.418.324	230.916.628	119,39	189.017.675	220.871.995	116,85	
10.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	197.521.744	236.144.543	119,55	188.975.575	215.114.486	113,83	
10.6	Hội Cựu chiến binh	137.400.344	163.266.908	118,83	155.769.875	170.528.943	109,47	
10.7	Hội Nông dân	169.897.244	204.481.008	120,36	173.975.575	201.090.804	115,59	
10.8	Chi hỗ trợ khác (nếu có)							
10.9	Chi hỗ trợ các hội ở xã	70.000.000	44.700.000	63,86	70.000.000	37.191.000	53,13	
10.10	Hội Chữ thập đỏ	15.000.000	67.248.500	448,32	44.700.000	39.485.000	88,33	
10.11	Hội Người cao tuổi	39.000.000	82.700.000	212,05	74.700.000	74.700.000	100,00	
10.12	Hội Khuyến học	9.000.000	22.880.000	254,22	9.000.000	24.630.000	273,67	
11	Chi công tác xã hội	40.000.000	1.410.014.302		49.000.000	443.788.945		
11.1	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác							
11.2	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa							
11.3	Trợ cấp xã hội							
11.4	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng							
11.5	Khác	40.000.000	1.410.014.302		49.000.000	443.788.945		
12	Chi khác							
13	Dự phòng	110.000.000		0,00	120.000.000		0,00	
14	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau		41.645.350			96.929.585		

*** Ghi chú:**

Cơ sở căn cứ kiểm tra:

- 1 Quyết định giao dự toán đầu năm.
- 2 Báo cáo quyết toán năm (Phụ lục 09).
- 3 Biên bản thẩm định quyết toán ngày 01/3/2022.
- 4 Thông báo thẩm định quyết toán số 227/TB-TCKH ngày 02/3/2022.



Phụ lục V

(Kèm theo Kết luận quả thanh tra số 115/KL-TTTX
ngày 17/6/2024 của Chánh thanh tra)

I. Quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức năm 2021

1. Quyết định điều động và tiếp nhận công chức

- (1) Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động công chức cấp xã (ông *Tổng Văn Bình*).
- (2) Quyết định số 8974/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển (bà *Dương Thị Thúy An*).
- (3) Quyết định số 9138/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động công chức cấp xã (ông *Phạm Văn Đạt*).
- (4) Quyết định số 9140/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động công chức cấp xã (ông *Phạm Thanh Hiền*).

2. Quyết định bổ nhiệm, điều động cán bộ, công chức

- (1) Quyết định số 49-QĐ/HND ngày 14/7/2021 của Chủ tịch Hội Nông dân huyện Tịnh Biên về việc công nhận chức danh UV BCH, UV BTV, Chủ tịch Hội Nông dân xã Núi Voi, nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông *Trần Văn Vinh*.
- (2) Quyết định số 38/QĐ-MTTQ-BTT ngày 16/7/2021 của Chủ tịch UBMTTQVN huyện Tịnh Biên về việc công nhận chức danh Chủ tịch UBMTTQVN xã Núi Voi, nhiệm kỳ 2019-2024 đối với ông *Nguyễn Thanh Liêm*.
- (3) Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc phê chuẩn kết quả bầu Phó Chủ tịch UBND xã Núi Voi, khóa V, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông *Phạm Văn Tha*.
- (4) Quyết định số 337-QĐ/HĐTN ngày 15/9/2021 của Bí thư BCH Đoàn huyện Tịnh Biên về việc chuẩn y kết quả bầu bổ sung UV BCH, UV BTV và chức danh Bí thư Đoàn TNCS HCM xã Núi Voi, khóa XI, nhiệm kỳ 2017-2022 đối với ông *Trần Hoàng Dũng*.
- (5) Quyết định số 9132/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc phê chuẩn kết quả bầu Phó Chủ tịch UBND xã Núi Voi, khóa V, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông *Trịnh Văn Mãi*.

II. Quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức năm 2022

1. Quyết định điều động và tiếp nhận công chức

- (1) Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động công chức cấp xã đối với ông Nguyễn Trọng Tường, Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Núi Voi đến UBND xã Tân Lập.

- (2) Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động công chức cấp xã đối với bà Nguyễn Thị Thanh Thảo, Công chức Tư pháp- Hộ tịch xã Tân Lập đến UBND xã Núi Voi.

- (3) Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển đối với ông Trần Hoàng Dũng.

2. Quyết định bổ nhiệm, điều động cán bộ, công chức

- (1) Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức cấp xã đối với ông Nguyễn Văn Thái, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBMTTQVN thị trấn Nhà Bàng đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Núi Voi theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên.

- (2) Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức cấp xã đối với bà Thái Thị Điểm, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Núi Voi đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Tân Lợi theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên.

- (3) Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức cấp xã đối với ông Phan Quang Diễn, Phó Bí thư Đảng ủy xã Núi Voi đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Văn Giáo theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên.

- (4) Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức đối với ông Nguyễn Thanh Sơn, Phó Trưởng phòng Tư pháp huyện Tịnh Biên đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Núi Voi theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên.

- (5) Quyết định số 5686/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức cấp xã đối với ông Nguyễn Văn Dương, Bí thư Đảng ủy xã Tân Lập đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Núi Voi theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên./.



Phụ lục VI

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 115/KL-TTXX
ngày 17/6/2024 của Chánh thanh tra)

I. Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021

1. Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 29/9/2021 của UBND phường Núi Voi về việc công tác theo dõi thi hành pháp luật về PCTN năm 2020 và 09 tháng đầu năm 2021.

2. Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 04/12/2021 của UBND phường Núi Voi về việc chấp hành pháp luật tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và PCTN năm 2021.

II. Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022

1. Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 28/01/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 01 năm 2022.

2. Báo cáo số 14/BC-UBND ngày 09/02/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 02 năm 2022.

3. Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 02/3/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 3 năm 2022.

4. Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 02/3/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN Quý I năm 2022.

5. Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 04/4/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 4 năm 2022.

6. Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 04/5/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 5 năm 2022.

7. Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03/6/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 6 năm 2022.

8. Báo cáo số 53/BC-UBND ngày 03/6/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN Quý II năm 2022.

9. Báo cáo số 54/BC-UBND ngày 03/6/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN 06 tháng đầu năm 2022.

10. Báo cáo số 74/BC-UBND ngày 01/7/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 7 năm 2022.

11. Báo cáo số 87/BC-UBND ngày 01/8/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 8 năm 2022.

12. Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 30/8/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 9 năm 2022.

13. Báo cáo số 107/BC-UBND ngày 30/8/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN Quý III năm 2022.

14. Báo cáo số 108/BC-UBND ngày 31/8/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN 9 tháng năm 2022.

15. Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 30/9/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 10 năm 2022.

16. Báo cáo số 138/BC-UBND ngày 31/10/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 11 năm 2022.

17. Báo cáo số 157/BC-UBND ngày 31/11/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 12 năm 2022.

18. Báo cáo số 158/BC-UBND ngày 30/11/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN Quý IV năm 2022.

19. Báo cáo số 159/BC-UBND ngày 30/11/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN năm 2022./.
